

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” (viết tắt Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 là Nghị quyết 20-NQ/TW) và Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện đến năm 2030 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2018-2020, như sau:

### **I. MỤC TIÊU**

Quán triệt và thực hiện đúng quan điểm của Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, cụ thể:

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế “thầy thuốc như mẹ hiền”, có năng lực chuyên môn vững vàng. Giữ vững mức độ phát triển khá so với toàn quốc và cao so với các tỉnh miền núi phía Bắc. Nâng cao năng lực cạnh tranh trong cung ứng dược phẩm, sản xuất dược liệu đặc hữu và dịch vụ y tế.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### ***Đến năm 2025:***

- Tuổi thọ trung bình khoảng 72 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 65 năm.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt >98% dân số. Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho y tế giảm còn 35%.
- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt >95% với 12 loại vắc xin. Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi còn 18,5‰; dưới 1 tuổi còn 12,5‰.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 30%. Tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 12%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 165 cm, nữ 156 cm.

- Phần đầu trên 90% dân số được quản lý sức khỏe; 95% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Đạt 43 giường bệnh, 13 bác sĩ, 2,8 dược sĩ đại học, 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 10%.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.

#### ***Đến năm 2030:***

- Tuổi thọ trung bình khoảng 73 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 66 năm.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,5-100% dân số. Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho chăm sóc y tế giảm còn 30%.

- Bảo đảm tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt > 95% với 14 loại vắc xin. Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi còn 15%; dưới 1 tuổi còn 10%.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi < 20%; không chế tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành < 10%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 166,5 cm, nữ 157,5 cm.

- Phần đầu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Đạt 46 giường bệnh viện, 15 bác sĩ, 3 dược sĩ đại học, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 95%.

- Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

#### ***(Có Biểu số 1: So sánh thực trạng và mục tiêu thực hiện của tỉnh Lào Cai với mục tiêu Nghị quyết số 20-NQ/TW)***

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Đoàn thể chính trị - xã hội và của toàn xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân**

- Cấp uỷ, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu. Thống nhất nhận thức, quyết tâm hành động của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho bản thân, gia đình, cộng đồng.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế và các lĩnh vực ảnh hưởng đến sức khỏe như môi trường, thể dục, thể thao, văn hoá... vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế và các lĩnh vực liên quan tới sức khỏe.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và của cả cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ, trước hết là trong bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, rèn luyện thân thể, xây dựng nếp sống văn minh, tham gia bảo hiểm y tế toàn dân và thực hiện các quy định về phòng dịch, phòng và chữa bệnh.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, các phong trào thi đua, các cuộc vận động có các nội dung, tiêu chí liên quan tới công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân, tạo các điều kiện thuận lợi để huy động các tổ chức xã hội, tôn giáo tham gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân theo quy định của pháp luật.

## **2. Nâng cao sức khoẻ nhân dân**

- Tập trung nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mỗi người dân; xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khoẻ và tầm vóc người Việt Nam. Quan tâm các điều kiện để mỗi người dân được bảo vệ, nâng cao sức khoẻ, đặc biệt là ở vùng nông thôn, biên giới, vùng sâu, vùng xa.

- Khuyến nghị, phổ biến chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng, nguồn nguyên liệu, khẩu vị của người Việt. Các sản phẩm, thực phẩm đóng gói phải có đầy đủ thông tin về thành phần, năng lượng, cảnh báo về sức khoẻ trên bao bì. Triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi.

- Thực hiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm; thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

- Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống và cai nghiện ma tuý, đánh giá hiệu quả chương trình điều trị Methadone. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm tiêu thụ và tác hại của rượu, bia, thuốc lá.

- Tăng cường công tác y tế học đường. Đổi mới căn bản giáo dục thể chất, tâm lý, tăng số môn tập luyện trong nhà trường, kết hợp chặt chẽ với tập luyện ngoài nhà trường. Phát triển mạnh các phong trào rèn luyện thân thể.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu tới sức khoẻ. Tập trung nguồn lực xây dựng, nâng cấp các hệ thống cấp thoát nước; bảo đảm người dân được tiếp cận sử dụng nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh; xử lý chất thải; khắc phục ô nhiễm các dòng sông, các cơ sở sản xuất. Tăng cường cải tạo, hạn chế san lấp hệ thống kênh rạch, hồ ao; chống lạm dụng hóa chất trong nông nghiệp.

- Phát huy hiệu quả các thiết chế, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, thể thao. Tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, vệ sinh; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống thảm họa, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động; phòng, chống tai nạn, thương tích, cháy, nổ, bệnh nghề nghiệp.

### **3. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở**

- Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp. Tăng nguồn lực cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng; tăng số vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng.

- Phối hợp các lực lượng, tổ chức thực hiện tốt chương trình kết hợp quân dân y, đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe bộ đội, đồng thời phối hợp tổ chức khám chữa bệnh, phòng bệnh cho nhân dân; sẵn sàng tham gia phòng chống thiên tai, thảm họa.

- Triển khai đồng bộ các hoạt động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; chú trọng dự phòng, nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật; đẩy mạnh quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính. Phát triển y học gia đình; kết nối y tế cơ sở với các phòng khám tư nhân, phòng chẩn trị đông y.

- Tiếp tục củng cố, phát triển và thực hiện đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế.

- Triển khai hệ thống sổ sức khỏe điện tử đến từng người dân. Thực hiện cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh. Xây dựng cơ chế, lộ trình phù hợp, từng bước thực hiện để tiến tới mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ.

- Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, đặc biệt là ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, các xã biên giới. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng bởi hậu quả của chiến tranh và các đối tượng ưu tiên; phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi phù hợp, triển khai mô hình cơ sở dưỡng lão.

### **4. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện**

- Phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh ở tuyến tỉnh, tuyến huyện theo địa bàn cụm dân cư, đảm bảo cho người dân thuận tiện tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Đảm bảo tính hệ thống và tính liên tục trong chuyên môn của từng tuyến điều trị và sự phát triển cân đối, hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa.

- Các bệnh viện xây dựng mới phù hợp với quy hoạch chung và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; có đủ điều kiện xử lý chất thải y tế và khả năng chống nhiễm khuẩn tại bệnh viện để các hoạt động khám chữa bệnh không ảnh hưởng đến người dân và môi trường.

- Thực hiện đúng hệ thống phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị; lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh; lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, giữa các cơ sở khám, chữa bệnh gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ và có chính sách khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ ngay tại tuyến dưới.

- Duy trì, phát triển các bệnh viện vệ tinh; tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Ban hành danh mục dịch vụ kỹ thuật các tuyến phải có đủ năng lực thực hiện, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến.

- Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển y học cổ truyền, tăng cường kết hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, nâng cao sức khoẻ.

- Phát triển đồng bộ, tạo môi trường bình đẳng cả về hỗ trợ, chuyển giao chuyên môn kỹ thuật giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công và tư.

- Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ tận tụy, nâng cao ý thức; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Tập trung đẩy nhanh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử tới chẩn đoán, xét nghiệm, khám, chữa bệnh từ xa.

- Tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách. Triển khai các mô hình tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng nơi để bảo đảm dịch vụ khám, chữa bệnh cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Triển khai mô hình bác sỹ gia đình.

### **5. Đẩy mạnh phát triển ngành Dược và thiết bị y tế**

- Phát triển cơ sở sản xuất thuốc nhất là thuốc đông dược, các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn của địa phương, các nhà thuốc tư nhân, quầy bán thuốc; thực hiện nguyên tắc tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc” (GDP), “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP).

- Bảo đảm thuốc đủ về số lượng, tốt về chất lượng, giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh, phục hồi chức năng, khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước.

- Tăng cường đầu thầu tập trung, giảm giá thuốc, thiết bị, hoá chất, vật tư y tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Hoàn thiện cơ chế đầu tư, mua sắm và kiểm soát chặt chẽ chất lượng, chống thất thoát, lãng phí.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, kiểm nghiệm, chứng minh tác dụng của các phương thức chẩn trị, điều trị không dùng thuốc, các bài thuốc, vị thuốc y học cổ truyền. Phát hiện, đăng ký, công nhận sở hữu trí tuệ và thương mại hoá các bài thuốc y học cổ truyền; tôn vinh và bảo đảm quyền lợi của các lương y.

- Có chính sách đặc thù phát triển dược liệu, nhất là các dược liệu quý hiếm; ưu tiên đầu tư và tập trung phát triển các vùng chuyên canh, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu.

- Đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng giả, kém chất lượng. Kiểm soát chặt chẽ thực phẩm chức năng và hàng hoá có nguy cơ gây hại cho sức khoẻ. Tăng cường kiểm soát chất lượng dược liệu ngoại nhập; giảm sự phụ thuộc vào nguồn dược liệu từ nước ngoài.

#### **6. Phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế**

- Thực hiện đào tạo, tuyển dụng nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu theo tuyến chuyên môn, theo chức năng nhiệm vụ. Ưu tiên nhân lực y tế tuyến xã, tuyến huyện và nâng cao chất lượng cán bộ y tế tuyến tỉnh.

- Bố trí đủ cán bộ theo đề án vị trí việc làm, đảm bảo số lượng và cơ cấu hợp lý, đồng bộ trong toàn hệ thống. Xây dựng đội ngũ nhân lực y tế có trình độ kỹ thuật cao, chuyên môn giỏi, trách nhiệm cao, có phong cách và tinh thần thái độ phục vụ tốt, góp phần phát triển ngành y tế Lào Cai bền vững.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy ngành y tế theo Nghị quyết số 18, Nghị quyết số 19 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII và các quy định hiện hành của Trung ương.

- Thực hiện đãi ngộ xứng đáng đối với cán bộ y tế; thực hiện các chính sách khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, vùng sâu, vùng xa và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong,...

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, xâm hại đến nhân phẩm và sức khoẻ thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

#### **7. Đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế**

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương.

- Hoàn thành sắp xếp các trung tâm, đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh; sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, xét nghiệm để hình thành cơ quan kiểm soát dược phẩm và thực phẩm của tỉnh và khu vực.

- Tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn. Tổ chức hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của địa phương. Phát triển hệ thống cấp cứu tại cộng đồng.

- Tập trung hoàn thiện Bệnh viện đa khoa tỉnh. Điều chỉnh, sắp xếp các bệnh viện, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi về mặt địa lý. Khuyến khích phát triển hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khoẻ, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho người dân.

## 8. Đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế

- Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế để có nguồn lực triển khai toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới.

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng.

- Thực hiện các biểu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng.

- Thực hiện nguyên tắc y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu. Khám, chữa bệnh do bảo hiểm y tế và người dân chi trả. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu do bảo hiểm y tế, người dân và ngân sách nhà nước cùng chi trả; bảo hiểm y tế đối với người lao động phải do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng góp; ngân sách nhà nước bảo đảm đối với một số đối tượng chính sách. Thực hiện quy định về "Gói dịch vụ y tế cơ bản do bảo hiểm y tế chi trả" và "Gói dịch vụ y tế cơ bản do Nhà nước chi trả"; đồng thời huy động các nguồn lực để thực hiện chăm sóc sức khoẻ ban đầu, quản lý sức khoẻ.

- Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Thực hiện cơ chế giá dịch vụ và cơ chế đồng chi trả phù hợp nhằm khuyến khích người dân khám, chữa bệnh ở tuyến dưới và các cơ sở y tế ở tuyến trên tập trung cung cấp các dịch vụ mà tuyến dưới chưa bảo đảm được.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính. Áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như quản trị doanh nghiệp. Có chính sách ưu đãi về đất, tín dụng... để khuyến khích các cơ sở y tế đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Các cơ sở y tế, cơ sở chăm sóc người cao tuổi hoạt động không vì lợi nhuận được miễn, giảm thuế theo quy định.

- Tăng cường quản lý nhà nước, xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm phòng, chống, ngăn chặn và chấm dứt tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hoá để lạm dụng các nguồn lực công phục vụ các "nhóm lợi ích", tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế.

- Từng bước thực hiện chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người tham gia bảo hiểm y

tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế. Nâng cao hiệu quả quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo. Đẩy mạnh phương thức nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng và thực hiện cơ chế giá gắn với chất lượng dịch vụ, khuyến khích sử dụng dịch vụ y tế ở tuyến dưới.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Đa dạng các gói bảo hiểm y tế. Tăng cường liên kết, hợp tác giữa bảo hiểm y tế xã hội với bảo hiểm y tế thương mại. Nâng cao năng lực, chất lượng giám định bảo hiểm y tế bảo đảm khách quan, minh bạch. Thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm y tế và quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, của cơ sở y tế.

### **9. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế**

- Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế; mở rộng hợp tác với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc.

- Xây dựng các đề án, dự án trọng điểm để kêu gọi đầu tư phát triển. Khuyến khích các tổ chức viện trợ không hoàn lại cho nhu cầu khám chữa bệnh người nghèo, trẻ em, người tàn tật và phòng chống dịch bệnh.

- Hợp tác đào tạo cán bộ nhằm tiếp thu các thành quả, tiến bộ khoa học trên thế giới và khu vực. Mở rộng liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư phát triển các lĩnh vực ngành Y tế.

## **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2020**

### **1. Thực hiện nhiệm vụ nâng cao sức khỏe nhân dân**

*- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe:*

Sử dụng hiệu quả mạng lưới thông tin truyền thông từ tỉnh tới cơ sở để tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo các hoạt động nhằm nâng cao tâm vóc người Việt Nam tỉnh Lào Cai và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung.

Phát động phong trào toàn dân thực hiện lối sống tăng cường sức khỏe gắn với phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam tỉnh Lào Cai.

*- Hoạt động cải thiện về số lượng và chất lượng khẩu phần ăn của trẻ em tuổi mẫu giáo, mầm non và học sinh:*

Bữa ăn học đường: Triển khai thực đơn hợp lý theo lứa tuổi theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng, tổ chức bữa ăn đủ dinh dưỡng cho học sinh, ưu tiên sữa và nguồn thực phẩm sẵn có tại địa phương. Bổ sung cập nhật tài liệu “giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe” trong nhà trường. Tập huấn giáo viên thực hiện dạy và học “giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe”. Trình diễn, hướng dẫn cách lựa chọn thực phẩm và thực hành chế biến bữa ăn hợp lý tại trường học.

Sữa học đường: Học sinh được uống sữa hàng ngày từ một phần hỗ trợ của nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực từ phụ huynh học sinh, doanh nghiệp... Có chế độ hỗ trợ sữa cho trẻ em những gia đình khó khăn.



***- Chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ dưới 5 tuổi, kết hợp với các chương trình đang triển khai, gồm các hoạt động:***

Nâng cao nhận thức, thực hành về nuôi dưỡng trẻ nhỏ và tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em về cân nặng và chiều cao, cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng của trẻ em và phụ nữ mang thai, góp phần nâng cao tầm vóc con người.

Tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục dinh dưỡng về dinh dưỡng hợp lý và phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và phòng chống các bệnh mãn tính không lây nhiễm. Tổ chức hội nghị, tập huấn, nâng cao năng lực triển khai hoạt động chương trình cho cán bộ y tế. Tổ chức điều tra tỷ lệ suy dinh dưỡng 30 cụm và tổ chức các lễ phát động hưởng ứng “Ngày Vi chất dinh dưỡng”, Tuần lễ “Dinh dưỡng - Phát triển” cấp tỉnh, huyện. Cung cấp và triển khai hoạt động bổ sung Vitamin A kết hợp với tẩy giun tại các huyện, thành phố.

Cải thiện bữa ăn, bổ sung vi chất cho trẻ em và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ: viên sắt và acid folic, đa vi chất dinh dưỡng, iod, kẽm, can xi, vitamin A...; quan tâm vùng nghèo, khó khăn.

Thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung hợp lý cho trẻ; nhân rộng mô hình nuôi dưỡng, chăm sóc bà mẹ và trẻ nhỏ dựa vào cộng đồng (IYCF).

Xây dựng tài liệu tập huấn, triển khai các bài tập hoạt động thể lực tăng cường và vui chơi hàng ngày tại trường học; cấp phát tài liệu tập huấn, tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em.

Mở rộng mô hình quản lý điều trị trẻ suy dinh dưỡng nặng cấp tính; triển khai các hoạt động can thiệp trong 1.000 ngày vàng cho trẻ phát triển; thực hiện giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe tại nhà trường.

***- Phát triển hệ thống giám sát, theo dõi đánh giá về thể lực tầm vóc người Việt Nam tỉnh Lào Cai; yếu tố nguy cơ và đánh giá hiệu quả can thiệp:***

Củng cố mạng lưới giám sát công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, dinh dưỡng kết hợp với nâng cao chất lượng dân số; cập nhật, hoàn thiện công cụ, chỉ số và quy trình giám sát, hoàn thiện bộ chỉ số phù hợp của tỉnh.

Tổ chức điều tra đầu kỳ và cuối kỳ để xác định các chỉ số sinh học và yếu tố liên quan đến tầm vóc, thể lực người Việt Nam tỉnh Lào Cai.

Điều tra, nghiên cứu quy mô nhỏ phục vụ việc lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp tại cộng đồng cho một số nhóm đối tượng ưu tiên (trẻ em, phụ nữ có thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ...).

***- Tăng cường công tác y tế trường học:***

Triển khai công tác y tế trường học hằng năm, các khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường; tổ chức giám sát liên ngành về y tế trường học.

Thực hiện các hoạt động giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi về phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường; các hoạt động dự phòng, phát hiện sớm nguy cơ, tư vấn, chăm sóc, quản lý sức khỏe học sinh.

***- Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:***

+ Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về ATTP: Tổ chức thanh tra, kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo đảm an toàn thực phẩm của các cơ sở thực phẩm. Giải quyết, xử lý triệt để các tổ chức cá nhân vi phạm an toàn thực phẩm đúng quy định.

+ Tăng cường công tác giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm: Chủ động lấy mẫu sàng lọc (test nhanh, labo) để kiểm nghiệm các chỉ tiêu ô nhiễm thực phẩm; đầu tư trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác kiểm tra nhanh ô nhiễm thực phẩm cho 40% số xã (năm 2018), 80% số xã (năm 2019), 100% xã (năm 2020). Báo cáo, điều tra, xử lý các vụ ngộ độc thực phẩm đúng theo qui định và có lưu ý nguồn gốc, xuất xứ của loại thực phẩm gây ngộ độc.

+ Nâng cao năng lực chuyên môn về ATTP cho cán bộ y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở qua các lớp tập huấn kiến thức về ATTP: Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm đến tận thôn, bản; hằng năm tổ chức tập huấn nâng cao năng lực quản lý an toàn thực phẩm cho 100% cán bộ làm công tác quản lý an toàn thực phẩm tuyến tỉnh, huyện. Đến năm 2020, tập huấn cho 100% thành viên Ban chỉ đạo ATTP tuyến xã về quản lý nhà nước về ATTP; 100% cán bộ chuyên trách ATTP của xã; 100% nhân viên y tế thôn bản, trưởng thôn bản, người có uy tín tại cộng đồng về kiến thức đảm bảo ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm; các lớp tập huấn cho người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm: 02 lớp/năm (50 người/lớp).

+ Tăng cường công tác truyền thông về ATTP bằng nhiều hình thức tới mọi đối tượng, đặc biệt nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng chuyên mục về ATTP trên các ấn phẩm truyền thông. Xây dựng chương trình tuyên truyền trên sóng phát thanh: 05 phút/chương trình (02 chương trình/tuần), trên sóng truyền hình: 05 phút/chương trình (01 chương trình/tuần). Nhân bản tài liệu truyền thông đặc thù, phù hợp với nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Xây dựng mô hình điểm về quản lý ATTP ở các xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống: Năm 2018: 14 mô hình; năm 2019: 18 mô hình và năm 2020: 27 mô hình điểm về quản lý ATTP tại 9 huyện, thành phố.

***- Hoạt động phòng chống bệnh không lây nhiễm, bệnh tim mạch - đái tháo đường (TM-ĐTĐ) và các bệnh về mắt:***

Thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu các hành vi nguy cơ chính gây mắc, hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh và tử vong do bệnh không lây nhiễm; nâng cao năng lực và hiệu quả trong dự phòng, giám sát, phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm. Xây dựng mô hình nâng cao sức khỏe dựa vào cộng đồng, phòng chống tác hại của lạm dụng rượu bia và đồ uống có cồn.

Tăng cường tuyên truyền cho người dân hiểu biết về bệnh, nguyên nhân, hậu quả và cách phòng bệnh; tăng cường hệ thống y tế để chủ động dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh TM-ĐTĐ. Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ hoạt động dự phòng, phát hiện sớm, điều trị, quản lý bệnh TM-ĐTĐ.

Triển khai các hoạt động mô đục thủy tinh thể, mổ mông quặm cho bệnh nhân nghèo trên địa bàn tỉnh.

**- Phòng chống tai nạn thương tích:**

Duy trì hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng chống tai nạn thương tích; phối hợp liên ngành và củng cố hệ thống giám sát tai nạn thương tích huyện, thành phố và các bệnh viện; nâng cao năng lực giám sát, thống kê báo cáo của cán bộ chuyên trách, năng lực truyền thông, sơ cứu, cấp cứu ban đầu của nhân viên y tế thôn, bản.

**- Tổ chức quản lý sức khỏe môi trường:**

Thực hiện 03 cuộc hội nghị đánh giá công tác triển khai đối với ngành Y tế tỉnh Lào Cai của năm trước và triển khai kế hoạch hoạt động năm sau (01 cuộc/năm) về thực hiện Thông tư 50/2015/TT-BYT của Bộ Y tế. Tổ chức 06 đợt kiểm tra, đánh giá vệ sinh, chất lượng nước ăn uống. nước sinh hoạt tại 11 chi nhánh cấp nước có công suất thiết kế từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên (02 đợt/năm), trong đó: đợt 01 định kỳ 1 lần/năm đối với 11/11 chi nhánh cấp nước; đợt 02 tại các chi nhánh cấp nước có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước hoặc khi có sự cố đột xuất. Thực hiện 03 đợt kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyến cơ sở (1 đợt/năm) về việc triển khai các nội dung quy định tại Thông tư 50/2015/TT-BYT.

**- Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình:**

+ Nâng cao chất lượng dân số triển khai mở rộng các mô hình tư vấn chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân, tư vấn và cung cấp dịch vụ KHHGD cho vị thành niên/thanh niên; tư vấn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng; giảm tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; triển khai mở rộng dịch vụ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh, cụ thể:

Duy trì và mở rộng mô hình giảm tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống: Năm 2018 duy trì 16 xã, mở rộng thêm 02 xã; năm 2019 mở rộng thêm 02 xã; năm 2020 mở rộng thêm 02 xã.

Mô hình giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh: Năm 2018, 2019, 2020 duy trì hoạt động của 164 xã.

Mô hình tư vấn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: năm 2018 triển khai 02 xã; năm 2019 mở rộng 02 xã; năm 2020 mở rộng 02 xã.

Sàng lọc trước sinh: Năm 2018: 9%; năm 2019: 12%; năm 2020 25%.

Sàng lọc sơ sinh: Năm 2018: 18%; năm 2019: 24%; năm 2020: 50%.

+ Hỗ trợ mua phương tiện tránh thai và thanh toán các dịch vụ kỹ thuật Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình (SKSS/KHHGD) cho các đối tượng miễn phí; Hỗ trợ nhân lực, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị chuyên môn, kỹ thuật các tuyến phục vụ chiến dịch SKSS/KHHGD tại vùng sâu vùng xa. Hỗ trợ củng cố cơ sở vật chất các kho chứa phương tiện tránh thai; đẩy mạnh các hoạt động xã hội hóa các phương tiện tránh thai tại địa bàn thành phố và vùng nông thôn phát triển theo đề án của Bộ Y tế. củng cố kho dữ liệu điện tử chuyên ngành, cụ thể:

Duy trì hỗ trợ phụ cấp cho CTV tổ dân phố mỗi năm 455 người.

Hàng năm hỗ trợ kinh phí thực hiện các biện pháp tránh thai cho 70% chỉ tiêu kế hoạch giao. Trợ cấp tai biến theo thực tế.

Hàng năm tổ chức triển khai Chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD đến các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới trên địa bàn toàn tỉnh.

Thường xuyên củng cố kho dữ liệu điện tử chuyên ngành; thực hiện mua bổ sung trang thiết bị theo đề nghị của cơ sở. Thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ cho người đình sản theo đúng quy định.

+ **Đổi mới công tác truyền thông;** đào tạo, tập huấn kỹ năng truyền thông; kiến thức và kỹ năng thực hiện các hoạt động cho cán bộ là chủ nhiệm các câu lạc bộ, trưởng thôn, cán bộ xã, huyện, tỉnh. Chủ động tập huấn về các quy định của pháp luật về: nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống... phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cụ thể:

Tập huấn 2018 - 2020: 270 viên chức/9 lớp/năm và 450 CTV/9 lớp/năm.

Tổ chức truyền thông sự kiện các năm: ngày dân số thế giới 11/7, ngày dân số Việt Nam 26/12, Tháng hành động quốc gia về dân số.

Truyền thông lồng ghép các mô hình đề án được tổ chức thường xuyên hàng năm tùy điều kiện thực tế của cơ sở.

## **2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở**

- ***Đảm bảo an ninh y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra:***

+ ***Giải pháp giảm mắc bệnh:*** Tăng cường các biện pháp giám sát, chủ động phát hiện sớm các trường hợp nhiễm bệnh, có biện pháp quản lý, cách ly, điều trị kịp thời, xử lý ca bệnh/ô dịch triệt để. Phát huy tối đa các biện pháp phòng bệnh chủ động bằng vắc xin. Đẩy mạnh truyền thông phòng chống dịch bệnh; củng cố, tăng cường hệ thống giám sát dịch bệnh các tuyến, chú trọng tuyến cơ sở; tăng cường năng lực xét nghiệm đảm bảo phát hiện nhanh, chính xác tác nhân gây bệnh; luôn sẵn sàng vật tư kỹ thuật, thuốc, hoá chất phục vụ công tác chống dịch.

+ ***Giải pháp giảm tử vong:*** Đảm bảo cấp cứu, điều trị nhanh nhất có thể cho bệnh nhân; sẵn sàng cung cấp thuốc thiết yếu cho người bệnh; thực hiện đúng phác đồ hướng dẫn, chẩn đoán, điều trị bệnh truyền nhiễm gây dịch của Bộ Y tế; trang bị phương tiện chẩn đoán, điều trị cấp cứu để đạt mục tiêu giảm tử vong.

+ ***Công tác phối hợp:*** Phối hợp liên ngành và các địa phương trong công tác phòng chống dịch bệnh, truyền thông, giáo dục sức khỏe; huy động mạnh mẽ các đoàn thể, xã hội tham gia công tác phòng chống dịch bệnh.

Ứng phó hiệu quả khi có tình huống dịch khẩn cấp (số tử vong do dịch tăng, số ca mắc tăng, diễn biến dịch bệnh phức tạp) huy động sự tham gia của các cấp chính quyền, các ban, ngành, các tổ chức xã hội.

- ***Tăng cường năng lực phòng chống bệnh lao, bệnh sốt rét, giun sán, HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác:***

+ ***Phòng chống bệnh lao:*** Triển khai các can thiệp tích cực, phát hiện chủ động, chẩn đoán sớm và quản lý bệnh nhân lao, bảo đảm chất lượng điều trị, tăng tỷ lệ điều trị thành công; đủ thuốc chống lao cho phòng và chữa bệnh. Giám sát

chuyên môn, hiệu quả hoạt động phòng chống lao tại các tuyến, tăng cường áp dụng hệ thống thông tin điện tử trong quản lý dữ liệu và quản lý chương trình.

+ *Phòng chống sốt rét, sốt xuất huyết, giun sán:*

Giám sát chặt chẽ tình hình bệnh dịch sốt xuất huyết nhằm phát hiện sớm ca nghi ngờ đầu tiên, không để dịch lan rộng. Tiếp nhận thuốc điều trị; hóa chất phun, tấm màn; dụng cụ bảo vệ cá nhân; bể sung trang thiết bị, bình phun hóa chất, vật tư, hóa chất xét nghiệm. Điều tra dịch tễ tại các huyện nằm trong vùng bệnh lưu hành (2 xã/huyện), phát hiện bệnh nhân mắc mới, quản lý tốt ca bệnh và các yếu tố dịch tễ có liên quan đến tình hình bệnh.

Tổ chức các đợt giám sát về phát hiện, chẩn đoán, điều trị và dịch tễ học bệnh Sốt rét tại các xã trọng điểm; tổ chức tấm màn bảo vệ bằng hóa chất cho dân 20.000 dân/năm tại 9/9 huyện, thành phố trong tỉnh (ưu tiên các ổ bệnh, ổ dịch cũ, điểm nóng, điểm nguy cơ sốt rét, vùng sốt rét lưu hành...); điều tra muỗi xác định thành phần loài, mật độ, tập tính, dự kiến 2 điểm/2 huyện/năm (mỗi năm 2 huyện, thực hiện trong 3 năm).

Tổ chức thực hiện kế hoạch tẩy giun hằng năm.

+ *Phòng chống bệnh phong:* Duy trì loại trừ bệnh nhân phong trên quy mô huyện (<0,2/10.000 dân). Thực hiện khám điều tra tại các vùng có nguy cơ cao (nơi có bệnh nhân cũ), điều trị bệnh nhân phong theo quy định.

+ *Phòng chống bệnh dại:* Phối hợp liên ngành thực hiện các giải pháp phòng chống bệnh dại. Mua vắc xin, huyết thanh, vật tư tiêu hao triển khai tiêm phòng bệnh dại cho người nghèo phơi nhiễm với bệnh dại trên địa bàn tỉnh.

- *Phòng chống HIV/AIDS:* Tăng cường biện pháp dự phòng, điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; cung cấp dịch vụ chăm sóc và điều trị HIV/AIDS; củng cố sự phối hợp hiệu quả giữa các chương trình phòng, chống HIV/AIDS. Thực hiện mục tiêu 90-90-90 của Liên hợp quốc (90% người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm HIV của mình, 90% người chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng vi-rút và 90% người nhiễm HIV đã được điều trị bằng thuốc kháng vi rút kiểm soát được số lượng vi rút ở mức thấp để sống khỏe mạnh và làm giảm nguy cơ lây truyền HIV cho người khác).

+ *Dự phòng và can thiệp giảm tác hại:*

Tăng cường triển khai các biện pháp dự phòng phối hợp có hiệu quả, bao gồm can thiệp giảm tác hại, truyền thông có chủ đích, xét nghiệm và điều trị.

Đẩy mạnh công tác truyền thông qua các cơ quan thông tin đại chúng, tổ chức truyền thông nhân sự kiện, đặc biệt là Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, Tháng hành động Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS và Ngày thế giới phòng, chống HIV/AIDS hàng năm; sản xuất, nhân bản các tài liệu truyền thông, làm mới và sửa chữa các cụm pa nô truyền truyền phòng, chống HIV/AIDS; tăng cường triển khai các hoạt động Thông tin, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi từ tỉnh, huyện, xã.

+ *Phối hợp liên ngành và huy động cộng đồng:*

Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp và lồng ghép các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS; tiếp tục triển khai, duy trì mô hình phong trào “Toàn

dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư”; tuyên truyền vận động liên ngành phối hợp, ủng hộ và tham gia triển khai chương trình can thiệp giảm hại.

+ *Can thiệp giảm tác hại (CTGTH):*

Tiếp tục củng cố mạng lưới phòng, chống HIV/AIDS các tuyến, duy trì hoạt động của mạng lưới nhân viên tiếp cận cộng đồng. Duy trì hoạt động cấp phát các vật dụng giảm hại (như: cấp phát miễn phí BKT sạch, BCS và nước cất); tổ chức thu gom BKT đã qua sử dụng.

Duy trì 07 cơ sở điều trị, 09 cơ sở cấp phát thuốc Methadone; tổ chức truyền thông về điều trị Methadone; xây dựng in ấn và phân phát các tài liệu truyền thông như tờ rơi, sách mỏng về chương trình can thiệp giảm hại.

+ *Thực hiện xét nghiệm và giám sát dịch HIV/AIDS:* Năm 2018 và 2020 mỗi năm thực hiện 200 mẫu giám sát trọng điểm HIV và 2.700 mẫu giám sát phát hiện HIV; năm 2019 thực hiện 300 mẫu giám sát trọng điểm HIV và 2.600 mẫu giám sát phát hiện HIV; bảo đảm 80% đối tượng có hành vi nguy cơ cao được xét nghiệm HIV. Tổ chức tốt công tác giám sát, theo dõi, đánh giá; 75% phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV; 90% phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền từ mẹ sang con bằng thuốc ARV; 75% tỷ lệ bệnh nhân lao được xét nghiệm HIV; 90% người nhiễm HIV mắc lao được điều trị đồng thời.

+ *Điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con:* Năm 2018: 908 bệnh nhân được điều trị ARV (880 bệnh nhân người lớn và 28 bệnh nhân trẻ em); năm 2019: 1.039 bệnh nhân được điều trị ARV (1.011 bệnh nhân người lớn và 28 bệnh nhân trẻ em); năm 2020: 1.120 bệnh nhân được điều trị ARV (1.092 bệnh nhân người lớn và 28 bệnh nhân trẻ em). Củng cố sự phối hợp hiệu quả giữa các chương trình phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống lao.

+ *Công tác Tiêm chủng mở rộng:*

Đảm bảo cung ứng vắc xin, vật tư tiêu hao, an toàn cho Chương trình tiêm chủng mở rộng; duy trì điểm tiêm chủng tại các thôn, bản trên địa bàn tỉnh.

Đạt và vượt các chỉ tiêu hằng năm: > 95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 10 loại vắc xin; > 95% trẻ em từ 1-5 tuổi được tiêm đủ 3 mũi vắc xin cơ bản phòng bệnh viêm não Nhật Bản; > 85% phụ nữ có thai được tiêm phòng bệnh uốn ván; > 75% số trẻ sinh tại bệnh viện được tiêm vắc xin viêm gan B 24 giờ sau sinh; >95% trẻ 18 tháng tuổi tiêm vắc xin DPT mũi 4 và vắc xin sởi rubella.

Duy trì hoạt động giám sát các bệnh trong Chương trình TCMR (giám sát uốn ván sơ sinh, các bệnh bại liệt, sởi).

### **3. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện**

- Phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh từ tỉnh đến huyện, có mô hình khám chữa bệnh phù hợp ở địa bàn cụm xã. Tăng cường phối hợp quân - dân y nhất là tại vùng sâu vùng xa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và củng cố công tác phòng chống nhiễm khuẩn tại các cơ sở điều trị, đặc biệt là tại các bệnh viện.

- Xây dựng và phê duyệt phác đồ chẩn đoán và điều trị của các bệnh viện phù hợp; đánh giá tiêu chí, xếp hạng bệnh viện đúng qui định của Bộ Y tế.

- Thực hiện lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh đến tuyến huyện; liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các bệnh viện tuyến tỉnh; nâng cao chất lượng dịch vụ và khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ tại tuyến dưới.

- Thực hiện hiệu quả mạng lưới bệnh viện vệ tinh; tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới, các tuyến có đủ năng lực thực hiện danh mục dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến, bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến.

- Phát triển y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, nâng cao sức khỏe các tuyến.

- Tiếp tục đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh; tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế; triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách; triển khai các mô hình tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng nơi và phù hợp với qui định để bảo đảm cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh có chất lượng cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới. Triển khai mô hình bác sỹ gia đình.

- Bảo đảm hoạt động các cơ sở y tế theo hướng toàn diện, liên tục và lồng ghép theo 3 cấp: Chăm sóc ban đầu, chăm sóc cấp 2, chăm sóc cấp 3; xây dựng quy trình phòng chống nhiễm khuẩn ở các tuyến; triển khai tiêu chuẩn ISO trong “Quản lý chất lượng bệnh viện” tại tuyến tỉnh và một số bệnh viện tuyến huyện, thành phố.

- Đến năm 2020 hoàn thiện các quy trình phòng chống nhiễm khuẩn ở các tuyến; liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các bệnh viện tuyến tỉnh và huyện; hoàn thiện hồ sơ sức khỏe điện tử.

#### **4. Thực hiện đẩy mạnh phát triển ngành Dược và thiết bị y tế**

- Thực hiện rà soát, sửa đổi bổ sung và công bố kịp thời bộ thủ tục hành chính lĩnh vực dược; công khai quy trình, cán bộ xử lý hồ sơ.

- Tổ chức đấu thầu tập trung lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đúng quy định.

- Triển khai thực hiện đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn giai đoạn 2017-2020 của Bộ Y tế.

- Tổ chức truyền thông qua tập san chuyên ngành, phương tiện thông tin đại chúng về nguy cơ và tác hại của thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc và sử dụng thuốc an toàn hợp lý, ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất tại Việt Nam...

- Quy hoạch lại mạng lưới khám chữa bệnh YHCT đảm bảo tinh gọn, hiệu quả tránh chồng chéo và đảm bảo tính chuyên môn hóa cao; thực hiện thí điểm thông tuyến khám chữa YHCT.

- Năm 2019, triển khai lựa chọn một số dược liệu có giá trị kinh tế cao, dược liệu quý hiếm, bài thuốc YHCT có hiệu quả cao trong điều trị. Tổ chức đánh giá tiền lâm sàng và lâm sàng.

- Đánh giá thực trạng phát triển dược liệu, y học cổ truyền tỉnh Lào Cai; xây dựng chính sách ưu đãi trong nuôi trồng, chế biến, sử dụng dược liệu; xây dựng và triển khai đề án thí điểm việc thu mua, chế biến, cung ứng các dược liệu sẵn có tại địa phương.

- Đến năm 2020, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc đạt các nguyên tắc “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc” theo quy định của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, kiểm nghiệm, chứng minh tác dụng của các phương thức chẩn trị, điều trị không dùng thuốc, các bài thuốc, vị thuốc y học cổ truyền. Phát hiện, đăng ký, công nhận sở hữu trí tuệ và thương mại hóa các bài thuốc y học cổ truyền; tôn vinh và bảo đảm quyền lợi của các lương y.

- Kết hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh sử dụng các kết quả nghiên cứu về dược liệu và bài thuốc YHCT tổ chức hiện đại hóa và thương mại hóa các sản phẩm.

- Tổ chức đánh giá các dự án các đề án đã triển khai và xây dựng kế hoạch triển khai giai đoạn 2020-2025.

## **5. Tập trung phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế**

- Xác định nhu cầu nhân lực theo vị trí việc làm, đảm bảo cơ cấu cán bộ chuyên môn; đẩy mạnh tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Đào tạo, tuyển dụng, thu hút nhân lực đáp ứng nhu cầu theo tuyến chuyên môn và chức năng nhiệm vụ.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh đối với trình độ sau đại học, bác sỹ chính quy theo địa chỉ sử dụng và các huyện 30<sup>a</sup>: 15-20 chỉ tiêu/năm; bác sỹ chuyên tu theo địa chỉ cho y tế cơ sở: 30-50 chỉ tiêu/năm. Hỗ trợ thu hút đối với sinh viên đại học y: 20-30 bác sỹ về tỉnh công tác/năm.

- Tập trung đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn theo quy định; bố trí, sắp xếp đảm bảo cơ cấu cán bộ y tế xã theo tiêu chí quốc gia về y tế xã.

## **6. Thực hiện đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế**

Năm 2018, sáp nhập Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng cơ bản Sở Y tế vào Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thuộc Sở Xây dựng; giải thể 14 phòng khám đa khoa khu vực không còn phù hợp và một số trạm y tế ở nơi có cơ sở y tế tuyến huyện trực tiếp đảm nhận.

Năm 2019, sáp nhập Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS vào Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và sáp nhập bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế huyện/TP để thành lập trung tâm y tế 2 chức năng khám chữa bệnh và y tế dự phòng (*trừ nơi đạt bệnh viện hạng II trở lên*).



Nâng cấp các phòng khám đa khoa khu vực trở thành cơ sở điều trị 2, 3 hoặc đơn nguyên điều trị theo hướng dẫn của Bộ Y tế; lồng ghép hoạt động trạm y tế ở nơi có phòng khám khu vực (*trừ nơi đạt bệnh viện hạng II trở lên*).

Đến năm 2020, hệ thống tổ chức bộ máy Ngành Y tế Lào Cai gồm:

- Tuyển tỉnh: 13 đơn vị, trong đó khối quản lý nhà nước 3 đơn vị: Sở Y tế, Chi cục Dân số - KHHGD và Chi cục An toàn VSTP; khối y tế dự phòng 5 đơn vị: Gồm các trung tâm: Kiểm soát bệnh tật, Kiểm dịch y tế quốc tế, Kiểm nghiệm, Pháp y và Giám định Y khoa); khối điều trị 05 đơn vị: BVĐK tỉnh, Bệnh viện YHCT, Sản nhi, Nội tiết và Bệnh viện Phục hồi chức năng.

- Tuyển huyện: 09 TTYT huyện, thành phố và các BVĐK huyện/thành phố đạt hạng II trở lên.

- Tuyển xã: duy trì trạm y tế xã hoặc cơ sở khám chữa bệnh có trạm y tế lồng ghép (Tùy theo tình hình cụ thể cân nhắc giảm 08 trạm y tế thị trấn).

### **7. Triển khai đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế**

- Thực hiện tăng đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho y tế dự phòng theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH12 của Quốc hội; tăng đầu tư cho y tế bảo đảm các trạm y tế xã thực hiện việc theo dõi, quản lý sức khỏe đến từng người dân và thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Thực hiện Nghị quyết số 49/2017/QH14 của Quốc hội, chủ trương “giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập, dành nguồn để tăng chi hỗ trợ cho các đối tượng chính sách trong sử dụng dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn cải cách tiền lương và tăng chi đầu tư, mua sắm để nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công”.

- Rà soát phân loại và giao tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp căn cứ khả năng tự đảm bảo chi thường xuyên từ nguồn thu của từng đơn vị.

+ Xây dựng phương án sử dụng phần kinh phí giảm cấp ngân sách cho các cơ sở khám chữa bệnh để mua thẻ BHYT cho đối tượng theo quy định Luật BHYT, thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo, tăng chi cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bố trí ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu y tế - dân số, thực hiện chính sách tiền lương và hỗ trợ các chi phí chưa kết cấu hoặc kết cấu chưa đủ trong giá dịch vụ, hỗ trợ mua sắm trang thiết bị y tế...

- Các cơ sở khám chữa bệnh tăng cường công tác tự chủ tài chính, chủ động xây dựng phương án phát triển dịch vụ, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, đầu tư liên doanh liên kết. Thực hiện các giải pháp phòng, chống tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hóa để lạm dụng các nguồn lực công.

- Thực hiện quy định về “Gói dịch vụ y tế cơ bản do bảo hiểm y tế chi trả” và “Gói dịch vụ y tế cơ bản do Nhà nước chi trả”.

+ Đến năm 2020, hoàn thiện cơ chế tự chủ của mỗi đơn vị, đẩy mạnh quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính. Áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên.

### **8. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế**

- Hội nhập quốc tế trong nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, tăng cường cung ứng dịch vụ y tế, dân số:

Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 về phát triển nhanh, bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới; Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 19/10/2017 về tăng cường thực hiện và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực. Khuyến khích phát triển mạng lưới các cơ sở y, dược tư nhân, phòng khám, các bệnh viện liên doanh, liên kết với nước ngoài. Triển khai, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các tổ chức: ODA, NGO, các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực để từng bước nâng cấp mạng lưới y tế, hiện đại hóa các trang thiết bị, đẩy nhanh, mạnh hội nhập quốc tế về y tế.

Vận động các nguồn đầu tư quốc tế cho nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị y tế. Đẩy nhanh tiến độ dự án nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền từ vốn viện trợ của Chính phủ Trung Quốc. Đám phán, trao đổi với Ủy ban hành chính tỉnh Bress (Cộng hòa Belaruss) và hoạt động hợp tác với Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh về hợp tác y tế. Xúc tiến dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh giai đoạn II; dự án đầu tư trang thiết bị Bệnh viện sản nhi nguồn vốn vay ODA Chính phủ Hàn Quốc.

- Hội nhập trong công tác nâng cao năng lực đội ngũ, tăng cường công tác khám chữa bệnh cho nhân dân:

Xây dựng các đề án, dự án trọng điểm để kêu gọi đầu tư phát triển. Mở rộng liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Khuyến khích các tổ chức viện trợ không hoàn lại phục vụ cho công tác khám chữa bệnh người nghèo, trẻ em, người tàn tật và phòng chống dịch bệnh.

Thúc đẩy, mở rộng các quan hệ với các tổ chức quốc tế, nước bạn, tỉnh bạn để thực hiện công tác đào tạo cán bộ, nhằm tiếp thu thành quả, tiến bộ khoa học trên thế giới và khu vực. Nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong chẩn đoán, điều trị bệnh nhân, để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm thiểu bệnh nhân chuyển tuyến trên và chuyển ra nước ngoài điều trị. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án bệnh viện vệ tinh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh của các đơn vị y tế trong khu vực và trên trường quốc tế.

- Hội nhập quốc tế trong công tác dự phòng dịch bệnh:

Tăng cường hội nhập quốc tế, nhất là với tỉnh Vân Nam Trung Quốc về 5 nội dung: Phòng chống các bệnh truyền nhiễm; Y học cổ truyền; Nghiên cứu y học; hợp tác khu vực y tế biên giới; giao lưu học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực phòng, chống dịch bệnh. Hợp tác chặt chẽ trong công tác kiểm soát các nguy cơ mất ATTP, tệ nạn xã hội tại khu vực biên giới 2 nước.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các dự án quốc tế về phòng, chống dịch bệnh: Dự án “Hỗ trợ kỹ thuật hướng tới chương trình phòng chống HIV/AIDS bền vững tại tỉnh Lào Cai” do Tổ chức Sức khỏe Gia đình Quốc tế (FHI 360) hỗ trợ; Dự án “Chẩn đoán, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS” do Quỹ chăm sóc sức khỏe AIDS Hoa Kỳ (AHF-AIDS Healthcare Foundation) hỗ trợ; Phòng, chống dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm có quy mô toàn cầu như: cúm A(H5N1, H7N9...) dịch bệnh Ebola, bệnh Zika, bệnh tả, bệnh dịch hạch... triển khai hiệu quả các mục tiêu chương trình y tế như: tiêm chủng mở rộng, giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh, phòng chống lao, phong, sốt rét và các mục tiêu chương trình y tế khác.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2018-2020: 1.310.476 triệu đồng, trong đó:**

- Năm 2018: 463.077 triệu đồng;
- Năm 2019: 516.542 triệu đồng;
- Năm 2020: 330.857 triệu đồng.

#### **2. Nguồn kinh phí**

- Kinh phí đã phê duyệt theo Đề án số 7 (nằm trong kế hoạch ngân sách hằng năm, lồng ghép từ nhiều nguồn vốn): 1.207.750 triệu đồng (*chiếm 92,2% nhu cầu kinh phí*);

- Kinh phí NSTW, NSDP cấp chi thường xuyên: 52.700 triệu đồng;
- Nguồn kinh phí khác: 50.025 triệu đồng.

*(Có Biểu số 2: Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2018-2020 kèm theo)*

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Y tế**

Chủ trì, phối hợp với các ban ngành, các tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch đến năm 2030. Xây dựng kế hoạch chi tiết từng giai đoạn, trước mắt là nhiệm vụ thực hiện trong 3 năm 2018-2020, xây dựng kế hoạch hằng năm lồng ghép trong kế hoạch thực hiện Đề án số 7 “Phát triển y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Lào Cai, giai đoạn năm 2016-2020” theo Nghị quyết số 01-NQ/TU của Tỉnh ủy.

Chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành tham mưu đề xuất các giải pháp, các nguồn lực cụ thể với Bộ, Ngành Trung ương và Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để tổ chức thực hiện. Chỉ đạo các đơn vị y tế phát triển chuyên môn lĩnh vực đơn vị phụ trách theo chỉ tiêu của Kế hoạch, hướng dẫn đơn vị xây dựng kế hoạch và thực hiện theo phân kỳ, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện theo quy định.

Giao Sở Y tế phối hợp với các ngành liên quan, căn cứ tình hình thực tế để rà soát, điều chỉnh kế hoạch thực hiện hằng năm cho phù hợp.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính kết hợp các vốn đầu tư cho phát triển hệ thống y tế toàn tỉnh và triển khai các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu về y tế - dân số trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh lồng ghép với thực hiện Đề án số 7; phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án về lĩnh vực y tế.

**3. Sở Tài chính:** Cân đối nguồn lực địa phương, tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp và các nguồn vốn khác thuộc ngân sách địa phương theo thẩm quyền để thực hiện Kế hoạch này lồng ghép nguồn lực thực hiện Đề án số 7; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng các nguồn vốn theo quy định của pháp luật; phối hợp đề xuất cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực y tế theo quy định.

**4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Thực hiện phối hợp nội dung phát triển y tế trong xây dựng nông thôn mới; chủ trì đảm bảo an ninh lương thực, nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn và phối hợp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

**5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Chủ động lồng ghép hoạt động y tế với chương trình xoá đói giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội; nâng cao chất lượng chứng chỉ nghề để phối hợp đảm bảo ATVSTP; phối hợp với ngành y tế kiểm tra, giám sát phát triển y tế các doanh nghiệp, công tác vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh lao động.

**6. Sở Nội vụ:** Tham mưu củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy ngành y tế; phối hợp đề xuất bổ sung chính sách phát triển nhân lực y tế; bổ sung biên chế cho các đơn vị y tế.

**7. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Phối hợp với ngành y tế thực hiện tốt công tác tuyển sinh đào tạo cán bộ y tế; phối hợp xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động y tế học đường, giáo dục chăm sóc sức khỏe trong trường học.

**8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh:** Thực hiện chương trình kết hợp quân dân y, thực hiện hiệu quả phòng tránh thiên tai, thảm họa.

**9. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:** Thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng “Làng văn hoá sức khoẻ”; phối hợp tổ chức hiệu quả các hoạt động thể dục thể thao gắn với phát triển thể chất và sức khoẻ.

**10. Sở Thông tin - Truyền thông:** Phối hợp xây dựng và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong đó có lĩnh vực y tế; phối hợp tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về công tác y tế.

**11. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Phối hợp hướng dẫn xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho sự nghiệp y tế đảm bảo đủ diện tích, ổn định lâu dài; tham mưu thực hiện ưu tiên cấp đất cho các công trình y tế.

**12. Sở Xây dựng:** Phối hợp hướng dẫn thực hiện quy hoạch và chủ trì thiết kế xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển cơ sở vật chất của các cơ sở y tế.

**13. Sở Công Thương:** Chỉ đạo tổ chức quản lý, lưu thông phân phối và xuất nhập khẩu lương thực, thực phẩm; tổ chức sản xuất cung ứng đủ muối i-ốt cho nhân dân; phối hợp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phát triển y tế cơ quan, xí nghiệp.

**14. Sở Ngoại vụ:** Phối hợp tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai chương trình hợp tác quốc tế về y tế.

**15. Bảo hiểm xã hội tỉnh:** Phối hợp với các sở, ngành có liên quan trong việc tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh theo Luật Bảo hiểm y tế; sử dụng hiệu quả nguồn quỹ bảo hiểm y tế cho chăm sóc sức khỏe nhân dân.

**16. Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh** và các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ngành Y tế tăng cường công tác tuyên truyền trong quá trình thực hiện.

#### **17. UBND các huyện, thành phố**

Phối hợp tổ chức thực hiện toàn diện Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh tại địa phương; căn cứ chỉ tiêu của Kế hoạch, xây dựng thành nghị quyết, kế hoạch, chỉ đạo các phòng, ban chức năng, UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện và huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện trên địa bàn.

**18. Đề nghị** Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Hội Chữ Thập đỏ tỉnh và các tổ chức hội xã hội - nghề nghiệp khác, tích cực thực hiện lồng ghép hoạt động chuyên ngành với công tác bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

### **VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA**

1. Thời gian năm 2018-2020, định kỳ 06 tháng, 01 năm Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện, lồng ghép cùng nội dung thực hiện Đề án số 7 gửi về UBND tỉnh, đồng thời gửi Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Giai đoạn tiếp theo đến năm 2030, giao Sở Y tế chủ trì tham mưu chế độ báo cáo theo kế hoạch thực hiện mỗi giai đoạn 5 năm, bảo đảm hoàn thành thắng lợi mục tiêu Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở ngành liên quan tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch công tác kiểm tra hàng năm và mỗi giai đoạn về kết quả thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy và UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Trung ương trên địa bàn tỉnh.

4. UBND các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và kết quả thực hiện của xã phường, thị trấn và các đơn vị y tế trên địa bàn theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai; các Sở, ban, ngành, các địa phương, đơn vị có liên quan căn cứ Kế hoạch thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH1,2,3, NC2, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong



## Biểu số 1

## THỰC TRẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TỈNH LÀO CAI VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW

(Kèm theo Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Số TT	Nội dung mục tiêu	ĐVT	Thực trạng đến năm 2016		Mục tiêu đến năm 2025		Mục tiêu đến năm 2030	
			Lào Cai	Toàn quốc	Lào Cai	NQ số 20	Lào Cai	NQ số 20
1	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	68,8	73,4	72	74,5	73	75
2	Số năm sống khỏe	Năm			65	67	66	68
3	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế so dân số	%	98,6	82	>98	95	>98	>95
4	Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho y tế	%	-	-	35	35	30	30
5	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ với 12 loại vắc xin	%	97,2	96	>95	95	>95	95
6	Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	23	18	18,5	18,5	15	15
7	Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	21	14,5	12,5	12,5	10	10
8	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi	%	35,2	24,6	<30	<20	<20	<15
9	Tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành	%	18,8	17,5	<12	<12	<10	<10
10	Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam	cm	161,5	164,4	165	167	166,5	168,5
11	Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nữ	cm	154,5	153,4	156	156	157,5	157,5
12	Dân số được quản lý sức khỏe;	%	-	-	90	>90	>95	>95
13	Trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	-	-	95	95	100	100
14	Số giường bệnh viện trên 10.000 dân	Giường	36,2	26	43	30	46	32
15	Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân	Người	10,5	8,2	13	10	15	11
16	Số dược sỹ đại học bình quân trên 10.000 dân	Người	1,8	2	2,8	2,8	3	3
17	Số điều dưỡng viên bình quân trên 10.000 dân	Người	16	20	25	25	33	33
18	Tỷ lệ giường bệnh tư nhân	%	2	5	10	10	15	15
19	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	80	80	>90	>80	>95	>90



**Biểu số 2**  
**NIHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN 3 NĂM 2018-2020**


Kèm theo Kế hoạch số: 22A /KH-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Lào Cai

Đơn vị: Triệu đồng


Số TT	Nhu cầu kinh phí	Nhu cầu kinh phí			Tổng cộng	Trong đó			Ghi chú
		2018	2019	2020		KP đã phê duyệt theo Đề án 7	ĐP cấp chi TX hàng	Nguồn KP khác	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>463.077</b>	<b>516.542</b>	<b>330.857</b>	<b>1.310.475</b>	<b>1.207.750</b>	<b>52.700</b>	<b>50.025</b>	<i>Kinh phí thực hiện đã phê duyệt theo Đề án số 7 chiếm 92,2% nhu cầu.</i>
<b>1</b>	<b>Nhiệm vụ 2: Nâng cao sức khỏe nhân dân</b>	<b>4.120</b>	<b>4.685</b>	<b>5.236</b>	<b>14.041</b>	<b>6.099</b>	<b>7.942</b>	<b>-</b>	
1.1	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	1.818	2.030	2.251	6.099	6.099			
1.2	Phòng chống bệnh không lây nhiễm	864	905	985	2.754		2.754		
1.3	Dinh dưỡng	265	300	350	915		915		
1.4	Y tế trường học	60	200	250	510		510		
1.5	Mô dục thủy tinh thể	110	150	200	460		460		
1.6	Sức khỏe môi trường (kiểm tra nước theo TT 50)	311	330	350	991		991		
1.7	Tai nạn thương tích	75	120	150	345		345		
1.8	Truyền thông giáo dục sức khỏe	617	650	700	1.967		1.967		
<b>2</b>	<b>Nhiệm vụ 3: Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn liền với đổi mới y tế cơ sở</b>	<b>16.594</b>	<b>17.053</b>	<b>16.582</b>	<b>50.229</b>	<b>5.471</b>	<b>44.758</b>	<b>-</b>	
2.1	Duy trì giám sát dịch bệnh truyền nhiễm thường xuyên	1.570	1.570	1.570	4.710		4.710	-	130 triệu/huyện/năm. Tuyển tnh: 400 triệu/năm
2.2	Ứng phó với các tình huống dịch khẩn cấp	2.000	2.000	2.000	6.000		6.000	-	Sử dụng bao vây, dập dịch
2.3	Tổ chức tiệm chủng mở rộng	1.300	1.450	1.600	4.350		4.350	-	
2.4	Phòng chống bệnh lao	494	550	610	1.654		1.654	-	
2.5	Phòng chống bệnh phong	110	130	150	390		390	-	
2.6	Phòng chống bệnh sốt rét	313	313	313	939		939	-	
2.7	Phòng chống HIV/AIDS	1.165	1.255	1.255	3.675		3.675	-	
2.8	An toàn thực phẩm	2.806	2.806	2.806	8.418	3.000	5.418	-	
2.9	Kinh phí duy trì phòng thí nghiệm	500	600	700	1.800	1.800	-	-	
2.10	Phòng chống giun sán	297	381	300	978		978	-	
2.11	Phòng chống bệnh dại	500	500	500	1.500		1.500	-	
2.12	Chương trình kết hợp quần dân y	120	120	120	360		360	-	
2.13	Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	2.804	2.763	2.044	7.610	671	6.940	-	KP Đề án 7: 2018: 166.8 tr; 2017: 252 tr; 2018: 252 tr



Số TT	Nhu cầu kinh phí	Nhu cầu kinh phí			Tổng cộng	Trong đó			Ghi chú
		2018	2019	2020		KP đã phê duyệt theo Đề án 7	ĐP cấp chi TX hằng	Nguồn KP khác	
2.14	Tăng cường nguồn lực trong nước cho công tác phòng, chống dịch bệnh thực hiện mục tiêu Chương trình Mục tiêu Y tế Dân số	2.615	2.615	2.615	7.844	-	7.844	-	Nguồn CTMT Y tế Dân số TW và DP
	Hoạt động phòng, chống bệnh lỵ mịch	165	165	165	494		494		
	Hoạt động phòng, chống bệnh dải tháo đường	180	180	180	540		540		
	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	469	469	469	1.407		1.407		
	Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản.	80	80	80	240		240		
	Hoạt động phòng chống bệnh Ung thư	140	140	140	420		420		
	Bảo đảm máu an toàn và phòng chống một số bệnh lý huyết học	130	130	130	390		390		
	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế	1.451	1.451	1.451	4.353		4.353		
3	Nhiệm vụ 4: Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện	382.045	456.750	279.680	1.118.475	1.118.475	-		
3.1	Phát triển hệ thống khám chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh ở tuyến tỉnh, tuyến huyện	382.045	456.750	279.680	1.118.475	1.118.475	-		
3.1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang	130.346	-	-	130.346	130.346	-		
a	Tuyến tỉnh, huyện	98.000	-	-	98.000	98.000	-		
	Xây mới Bệnh viện Sản nhi Lào Cai	98.000			98.000	98.000	-		
b	Tuyến PKĐKKV	32.346	-	-	32.346	32.346	-		
	Xây mới PKĐKKV Cốc Lều TP Lào Cai	32.346			32.346	32.346	-		
	- Xây mới PKĐKKV Cốc Lều TP Lào Cai (Giai đoạn 1)	3.765			3.765	3.765	-		
	- Xây mới PKĐKKV Cốc Lều TP Lào Cai (Giai đoạn 2)	28.581			28.581	28.581	-		
3.1.2	Dự án khởi công mới	251.699	456.750	279.680	988.129	988.129	-		
a	Tuyến tỉnh, huyện	197.163	393.340	266.680	857.183	857.183	-		
*	Dự án XD CB:	197.163	393.340	266.680	857.183	857.183	-		
(1)	Xây mới Bệnh viện Đa khoa Lào Cai (giai đoạn 2, quy mô 800 gb đã bao gồm Trung tâm Ung Bướu), tầng 300	-	180.000	164.098	344.098	344.098	-		
(2)	Hạng mục: San gạt mặt bằng và hệ thống thoát nước	8.000	6.000	3.000	17.000	17.000	-		
(3)	Xây mới nhà điều trị Nội C, nhà rèn luyện thể chất của Bệnh viện Đa khoa tỉnh	10.000	8.000	3.000	21.000	21.000	-		
(4)	Xây mới Bệnh viện YHCT tỉnh	25.000	20.000	16.800	61.800	61.800	-		
(5)	Xây mới Bệnh viện Nội tiết tỉnh	28.000	25.000	13.800	66.800	66.800	-		

Số TT		Nhu cầu kinh phí			Tổng cộng	Trong đó			Ghi chú
		2018	2019	2020		KP đã phê duyệt theo Đề án 7	ĐP cấp chi TX hằng	Nguồn KP khác	
(6)	Xây mới Trung tâm cấp cứu (115)	-	20.000	10.000	30.000	30.000	-		
(7)	Xây mới Bệnh viện ĐK huyện Mường Khương	50.000	100.000	50.000	200.000	200.000	-		
(8)	Cải tạo, nâng cấp BVĐK huyện Si Ma Cai, quy mô 90 gb	1.500	2.000	1.312	4.812	4.812	-		
(9)	Dự án Khu khám bệnh, chữa bệnh cho người tạm giữ, tạm giam, phạm nhân tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	800	1.200	-	2.000	2.000	-		
(10)	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng (HM: Nhà điều trị nội trú)	20.000	-	-	20.000	20.000	-		
(11)	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bát Xát	1.200	2.000	800	4.000	4.000	-		
(12)	Hiệu chuẩn, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị TIYTDP	300	-	-	300	300	-		
(13)	Mua sắm TTB Bv vệ tinh BVĐK tỉnh	7.400	11.290	-	24.690	24.690	-		
(14)	Mua sắm TTB Bv vệ tinh BV Sản nhi	20.315	11.850	3.870	36.035	36.035	-	EU 10 tỷ, NSDP 10,315 tỷ	
(15)	Mua sắm TTB các đơn vị y tế tuyến tỉnh	7.238	-	-	7.238	7.238	-		
(16)	Mua sắm trang thiết bị xét nghiệm, thiết bị đo môi trường lao động và quan trắc môi trường TIYTDP	3.410	-	-	3.410	3.410	-		
(17)	Mua sắm TTB kiểm nghiệm (GD 2)	14.000	-	-	14.000	14.000	-		
	<b>Dự án Mua sắm trang thiết bị</b>	-	-	-	-	-	-		
<b>h</b>	<b>Tuyển PKĐKKV</b>	<b>20.000</b>	<b>47.000</b>	<b>13.000</b>	<b>80.000</b>	<b>80.000</b>	-		
<b>*</b>	<b>Dự án XDCB</b>	<b>20.000</b>	<b>47.000</b>	<b>13.000</b>	<b>80.000</b>	<b>80.000</b>	-		
1	Xây mới Phòng khám ĐKKV Nghĩa Đô - Bảo Yên	10.000	15.000	-	25.000	25.000	-		
2	Xây mới PKĐKKV Mường Hum - Bát Xát	10.000	15.000	-	25.000	25.000	-		
3	Cải tạo, nâng cấp PKĐKKV Bảo Nhai - Bắc Hà	-	5.000	5.000	10.000	10.000	-		
4	Cải tạo, nâng cấp PKĐKKV Thanh Phú - Sa Pa	-	3.000	2.000	5.000	5.000	-		
5	Cải tạo, nâng cấp PKĐKKV Bản Lầu - MK	-	3.000	2.000	5.000	5.000	-		
6	Cải tạo, nâng cấp PKĐKKV Cao Sơn - MK	-	3.000	2.000	5.000	5.000	-		
7	Cải tạo, nâng cấp PKKV Cán Cầu - Si Ma Cai	-	3.000	2.000	5.000	5.000	-		
<b>c</b>	<b>Tuyển xử</b>	<b>34.536</b>	<b>16.410</b>	<b>-</b>	<b>50.946</b>	<b>50.946</b>	-		
<b>*</b>	<b>Dự án quyết toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	-		
1)	Long Phúc - Bảo Yên	-	-	-	-	-	-		
<b>*</b>	<b>Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng</b>	<b>1.598</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.598</b>	<b>1.598</b>	-		
(1)	Tung Chung Phô - MK	422	-	-	422	422	-		
(2)	Thăm Dương - Văn Bàn	1.176	-	-	1.176	1.176	-		
<b>*</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>11.938</b>	<b>6.410</b>	<b>-</b>	<b>18.348</b>	<b>18.348</b>	-		
(1)	Tân Tiến - Bảo Yên	1.393	-	-	1.393	1.393	-		
(2)	Tả Văn - Sa Pa	1.400	-	-	1.400	1.400	-		

Số TT	Nội dung hoạt động	Nhu cầu kinh phí			Tổng cộng	Trong đó			Ghi chú
		2018	2019	2020		KP đã phê duyệt theo Đề án 7	ĐP cấp chi TX hằng	Nguồn KP khác	
(3)	Suối trâu - SP	373			373	373			
(4)	Trung Chải - SP	389			389	389			
(5)	Thanh Kim - SP	360			360	360			
(6)	Hầu Thào - SP	700			700	700			
(7)	Xuân Thượng - BY	642			642	642			
(8)	TT Bắc Hà - BH	406			406	406			
(9)	Thải Giàng Phố - BH	850	739		1.589	1.589			
(10)	Thượng Hà - BY	1.050	1.400		2.450	2.450			
(11)	Điện Quan - BY	1.050	1.400		2.450	2.450			
(12)	TT Khánh Yên - VB	1.000	1.234		2.234	2.234			
(13)	Cam Đường - TPLC	525			525	525			
(14)	Vạn Hòa - TPLC	1.000	1.216		2.216	2.216			
(15)	Thống nhất - TPLC	800	421		1.221	1.221			
*	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>21.000</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>31.000</b>	<b>31.000</b>	<b>-</b>		
(1)	Phố Mới - TP Lào Cai		5.000	-	5.000	5.000	-		NSDP
(2)	Duyên Hải - TP Lào Cai		5.000	-	5.000	5.000	-		NSDP
(3)	Xã Mường Ilum - Bát Xát	8.000	-	-	8.000	8.000	-		EU
(4)	Xã Cốc Mỳ - Bát Xát	4.000	-	-	4.000	4.000	-		EU
(5)	Xã Minh Lương - Văn Bàn	5.500	-	-	5.500	5.500	-		EU
(6)	Thanh Bình - Mường Khương	3.500	-	-	3.500	3.500	-		NSDP
4	<b>Nhiệm vụ 6: Phát triển nhân lực và KHCN y tế</b>	<b>13.456</b>	<b>14.955</b>	<b>19.294</b>	<b>47.706</b>	<b>47.706</b>	<b>-</b>		
4.1	<b>Đào tạo sau đại học</b>	<b>955</b>	<b>570</b>	<b>3.425</b>	<b>4.950</b>	<b>4.950</b>	<b>-</b>		
	Đào tạo tiến sĩ	-	-	-	-	-	-		
	Đào tạo thạc sĩ	90	45	225	360	360	-		2018: 02; 2019: 02; 2020: 05
	Đào tạo bác sĩ chuyên khoa II	270	-	2.500	2.770	2.770	-		Năm 2018: 03; 2020: 25 (chỉ tính đối tượng hưởng hỗ trợ)
	Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I	595	525	700	1.820	1.820	-		2018: 17; 2019: 15; 2020: 20
4.2	<b>Đào tạo Đại học</b>	<b>2.110</b>	<b>2.772</b>	<b>3.771</b>	<b>8.654</b>	<b>8.654</b>	<b>-</b>		Năm 2016: 10 BS30a; 03 BS địa chỉ; năm 2017: 03 BS địa chỉ; 03 BS30a; năm 2018: 15 BS địa chỉ; 15 BS 30a; năm 2019: 10 BS địa chỉ; 10 BS 30a; năm 2020: 10 BS địa chỉ; 10 BS 30a
	Đào tạo bác sĩ chính quy theo địa chỉ	1.335	1.842	2.376	5.554	5.554	-		
	Đào tạo bác sĩ chuyên tu	775	930	1.395	3.100	3.100	-		

Số TT		Nhu cầu kinh phí			Tổng cộng	Trong đó			Ghi chú
		2018	2019	2020		KP đã phê duyệt theo Đề án 7	ĐP cấp chi TX hằng	Nguồn KP khác	
4.3	Thu hút nhân lực y học sinh viên tốt nghiệp bác sỹ, được sỹ theo QĐ 51/QĐ-UBND	1.850	1.850	1.850	5.550	5.550	-		30 sinh viên (20 loại khá, giỏi về tỉnh, 05 loại khá về huyện, 05 tốt nghiệp loại trung bình về huyện).
4.4	Hỗ trợ đào tạo bác sỹ về thuộc khu vực 2, 3 của tỉnh theo QĐ 51/QĐ-UBND	-	-	-	-	-	-		
4.5	Chính sách đãi ngộ theo QĐ số 97/2016/QĐ-UBND tỉnh	6.841	7.763	8.248	22.852	22.852	-		Năm 2018: 141; năm 2019: 160; năm 2020: 170 cán bộ y tế tỉnh huyện
4.6	Chế độ luân phiên cán bộ theo Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND tỉnh	700	1.000	1.000	2.700	2.700	-		
4.7	Chuyển giao kỹ thuật, đào tạo ngắn hạn ....	1.000	1.000	1.000	3.000	3.000	-		
5	Nhiệm vụ 9	46.862	23.099	10.064	80.025	30.000	-	50.025	
5.1	Tiểu dự án nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào	30.000			30.000	30.000	-	-	
5.2	Từ chương trình hợp tác Lào Cai -TP Hà Nội		7.238		7.238			7.238	Xây mới, mua sắm TTB cho 01 TYT xã: 7 tỷ, đào tạo 328 trđ.
5.3	Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn II, từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Hàn Quốc				-	-	-	-	Tổng vốn: 34.629 triệu USD ~ 796.467 triệu đồng (vốn vay: 29.988 triệu USD) ~ 689.724 trđ. vốn đối ứng: 4.641 triệu USD ~ 106.743
5.4	Dự án Đầu tư trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản Nhi và một số bệnh viện tuyến huyện trong hệ thống chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Lào Cai từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Hàn Quốc				-	-	-	-	Tổng vốn dự án: 17.870.400 USD ~ 411.019 triệu đồng (vốn vay ODA: 15.555.000 USD ~ 357.765 trđ. vốn DƯ: 2.315.400 USD ~ 53.254 trđ)
5.5	Chương Trình: Phát triển cộng đồng lấy trẻ em làm trọng tâm tại Lào Cai (SCI tài trợ)	2.890			2.890			2.890	
5.6	Dự án triển khai mô hình trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình và mô hình phòng khám bác sỹ gia đình trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020	13.972	15.861	10.064	39.897			39.897	Dự án HPET